

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC LẠI, HỌC CẢI THIỆN, HỌC VƯỢT**

**Học kỳ: hè, Năm học: 2017-2018**

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
1	K48 HDDL	Hồ Thị Bích Ngọc	20/11/1995	8.7	6.0	<b>6.8</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
2	K48 QHCC	Hồ Thị Linh Nhi	07/12/1996	6.3	6.0	<b>6.1</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
3	K48 QHCC	Lê Thanh Nhi	16/07/1996	6.3	6.0	<b>6.1</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
4	K48 TMDT	Trần Hiếu Xuân Bình	16/01/1996	7.7	6.0	<b>6.5</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
5	K48 QTKD	Nguyễn Đức Đoàn	20/01/1993	7.0	5.0	<b>5.6</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
6	K48 QHCC	Khuong Quốc Hưng	22/12/1995	7.0	5.5	<b>6.0</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
7	K48 QHCC	Phạm Quốc Huy	27/01/1996	0.0	6.0	<b>4.2</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
8	K48 HDDL	Nguyễn Vũ Gia Mân	12/10/1996	8.7	6.5	<b>7.2</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
9	K48 QHCC	Phan Ngọc Quỳnh Như	26/01/1996	7.7	7.0	<b>7.2</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
10	K49 QLLH 2	Đặng Vũ Minh Phương	08/03/1997	6.3	4.0	<b>4.7</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
11	K48 QHCC	Lê Thị Hương Sen	03/08/1995	8.3	7.5	<b>7.7</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
12	K48 TMDT	Phan Nguyễn Chiến Thắng	10/12/1996	6.7	6.0	<b>6.2</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
13	K46 TTMKT	Phan Quang Vinh	10/12/1994	6.3	6.5	<b>6.4</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
14	K49 TCSK	Nguyễn Thị Kim Ánh	13/05/1997	0.0	8.5	<b>5.1</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
15	K48 QHCC	A Bền	07/06/1989	8.3	8.0	<b>8.1</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
16	K48 TMDT	Ngô Bảo Chung	09/09/1995	10.0	9.0	<b>9.4</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
17	K48 QTKD	Nguyễn Đức Đoàn	20/01/1993	8.8	9.0	<b>8.9</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
18	K49 TCSK	Huỳnh Ái Thuý Hằng	25/09/1997	0.0	9.0	<b>5.4</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
19	K49 KTDL	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/11/1997	7.5	8.5	<b>8.1</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
20	K48 HDDL	Lương Đức Hiếu	30/05/1996	7.0	8.0	<b>7.6</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
21	K48 HDDL	Nguyễn Thị Thu Hoài	17/02/1996	7.0	8.0	<b>7.6</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
22	K50 QHCC	Linly Koutsabat	08/10/1997	8.8	7.0	<b>7.7</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
23	K48 QLLH 2	Đặng Thị Lành	04/10/1995	8.8	8.5	<b>8.6</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
24	K48 TMDT	Đoàn Văn Luyện	29/01/1995	7.5	8.5	<b>8.1</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
25	K49 TCSK	Trần Thị Khánh Ly	07/09/1997	8.8	8.5	<b>8.6</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
26	K48 HDDL	Nguyễn Vũ Gia Mân	12/10/1996	7.5	8.5	<b>8.1</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
27	K49 TCSK	Nguyễn Thị Thanh Nhân	22/09/1997	0.0	8.5	<b>5.1</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
28	K48 TCSK	Nguyễn Khoa Thanh Nhàng	02/11/1996	5.8	8.0	<b>7.1</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
29	K48 TCSK	Nguyễn Mậu Nhất	06/03/1995	8.8	8.0	<b>8.3</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
30	K49 TTMKT	Trần Thị Minh Phương	30/08/1997	0.0	8.5	<b>5.1</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
31	K49 TCSK	Lê Thị Như Quỳnh	15/04/1997	0.0	8.5	<b>5.1</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
32	K50 KTDL	Nguyễn Công Sách		5.0	7.5	<b>6.5</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
33	K47 QLLH	Trần Minh Tân	28/11/1995	1.5	8.0	<b>5.4</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
34	K48 TMDT	Phan Nguyễn Chiến Thắng	10/12/1996	0.5	6.5	<b>4.1</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
35	K49 TCSK	Nguyễn Quỳnh Thư	30/07/1997	0.0	8.5	<b>5.1</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
36	K49 QLLH 2	Trần Thị Thu Thủy	27/02/1997	7.0	9.0	<b>8.2</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
37	K48 KTDL	Lê Thị Quỳnh Tiên	29/06/1996	8.8	8.5	<b>8.6</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
38	K48 HDDL	Trần Thị Huyền Trang	06/11/1996	2.0	8.5	<b>5.9</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
39	K47 HDDL	Hồ Đắc Trí	15/09/1992	5.8	8.5	<b>7.4</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
40	K48 QHCC	Hồ Lê Trí Trung	19/05/1996	1.0	0.0	<b>0.4</b>	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
41	K48 KTDL	Phạm Thị Tý	17/07/1995	10.0	8.5	9.1	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	
42	K50 KTDL	Huỳnh Bảo Châu	17/07/1998	9.3	8.0	8.4	Khoa học môi trường	
43	K49 ITMKT	Võ Thị Đức Kiều	20/01/1997	9.3	8.0	8.4	Khoa học môi trường	
44	K49 QLLH 3	Trần Thị Kim Loan	29/09/1997	9.3	8.5	8.7	Khoa học môi trường	
45	K48 TMDT	Lê Hiếu Vũ Long	20/03/1996	9.3	8.0	8.4	Khoa học môi trường	
46	K49 KTDL	Nguyễn Đặng Thị Thùy Trang	08/01/1997	9.3	8.0	8.4	Khoa học môi trường	
47	K48 QLLH 1	Trương Anh Nhật Uyên	29/09/1996	9.3	7.5	8.0	Khoa học môi trường	
48	K50 QHCC	Vương Thị Hồng Vân	02/10/1998	9.3	8.5	8.7	Khoa học môi trường	
49	K49 QLLH 1	Trần Nhã Kỳ	21/11/1996	3.7	3.0	3.2	Kinh tế vĩ mô	
50	K49 QLLH 1	Nguyễn Thị Mê Lin	01/10/1997	0.0	4.0	2.8	Kinh tế vĩ mô	
51	K49 QLLH 3	Trần Thị Kim Loan	29/09/1997	0.0	4.0	2.8	Kinh tế vĩ mô	
52	K49 QLLH 3	Lê Thị Nhật Minh	07/10/1997	0.0	0.0	0.0	Kinh tế vĩ mô	
53	K49 HDDL	Nguyễn Thái Quan	26/07/1997	4.3	5.5	5.1	Kinh tế vĩ mô	
54	K50 TMDT	Nguyễn Huỳnh Yên Chi	09/05/1998	9.3	6.0	7.0	Kinh tế vĩ mô	
55	K48 HDDL	Nguyễn Thị Thanh Hằng	02/11/1996	8.0	6.5	7.0	Kinh tế vĩ mô	
56	K48 HDDL	Lương Đức Hiếu	30/05/1996	3.7	6.0	5.3	Kinh tế vĩ mô	
57	K48 KTDL	Vệ Chí Hào	17/05/1995	6.7	5.5	5.9	Kinh tế vĩ mô	
58	K48 QHCC	A Bền	07/06/1989	3.0	2.0	2.3	Kinh tế vĩ mô	
59	K48 QHCC	Phạm Quốc Huy	27/01/1996	3.7	5.0	4.6	Kinh tế vĩ mô	
60	K48 QHCC	Trương Thảo My	22/05/1996	8.0	5.5	6.3	Kinh tế vĩ mô	
61	K48 QHCC	Nguyễn Thị Hoài Nhân	25/06/1996	0.0	3.0	2.1	Kinh tế vĩ mô	
62	K48 QHCC	Phan Ngọc Quỳnh Như	26/01/1996	3.7	6.5	5.7	Kinh tế vĩ mô	
63	K48 QHCC	Hồ Lê Trí Trung	19/05/1996	0.0	1.5	1.1	Kinh tế vĩ mô	
64	K48 QLLH 1	Trương Anh Nhật Uyên	29/09/1996	2.3	5.5	4.5	Kinh tế vĩ mô	
65	K48 QLLH 2	Trần Thị Quỳnh Như	20/03/1996	8.0	6.5	7.0	Kinh tế vĩ mô	
66	K48 TCSK	Nguyễn Mậu Nhất	06/03/1995	0.0	6.0	4.2	Kinh tế vĩ mô	
67	K48 TCSK	Nguyễn Thị Thuý Vy	20/10/1996	8.0	6.0	6.6	Kinh tế vĩ mô	
68	K48 TMDT	Phan Nguyễn Chiến Thắng	10/12/1996	1.3	5.5	4.2	Kinh tế vĩ mô	
69	K49 KTDL	Lê Mai Kim Chi	25/03/1997	8.0	7.0	7.3	Kinh tế vĩ mô	
70	K49 KTDL	Trần Thị Vũ Hà	01/05/1997	8.0	5.5	6.3	Kinh tế vĩ mô	
71	K49 KTDL	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/11/1997	7.3	6.0	6.4	Kinh tế vĩ mô	
72	K49 KTDL	Huỳnh Thị Hiền	20/05/1996	8.7	7.0	7.5	Kinh tế vĩ mô	
73	K49 KTDL	Nguyễn Thị Bình Nhi	05/12/1997	7.3	7.5	7.4	Kinh tế vĩ mô	
74	K49 KTDL	Nguyễn Thị Ý Nhi	02/08/1997	8.0	7.5	7.7	Kinh tế vĩ mô	
75	K49 QLLH 2	Phạm Thị Thanh Hương	08/03/1997	9.3	6.0	7.0	Kinh tế vĩ mô	
76	K49 QLLH 2	Lê Thị Thanh Nhân	10/02/1997	8.7	10.0	9.6	Kinh tế vĩ mô	
77	K49 QLLH 2	Hoàng Thị Anh Thảo	14/10/1996	7.3	9.0	8.5	Kinh tế vĩ mô	
78	K49 QLLH 2	Mai Thị Tuyền	10/02/1997	8.0	8.5	8.4	Kinh tế vĩ mô	
79	K50 HDDL 1	Phạm Đình Bạch Linh	20/02/1997	9.3	4.0	5.6	Kinh tế vĩ mô	
80	K50 HDDL 1	Nguyễn Thị Ngư	19/06/1998	8.7	4.5	5.8	Kinh tế vĩ mô	
81	K50 HDDL 1	Lê Việt Phương	03/03/1997	8.7	5.0	6.1	Kinh tế vĩ mô	
82	K50 HDDL 1	Ngô Võ Như Quỳnh	01/03/1998	6.7	3.5	4.5	Kinh tế vĩ mô	
83	K50 HDDL 1	Lộc Thị Thoa	19/12/1997	9.3	1.0	3.5	Kinh tế vĩ mô	
84	K50 HDDL 1	Trương Thị Thu	03/03/1998	6.7	2.0	3.4	Kinh tế vĩ mô	
85	K50 HDDL 1	Trần Trọng Tín	11/09/1997	8.0	3.0	4.5	Kinh tế vĩ mô	
86	K50 HDDL 1	Nguyễn Thị Thùy Vân	20/06/1998	8.7	4.0	5.4	Kinh tế vĩ mô	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
87	K50 HDDL 2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	12/08/1997	9.3	4.5	5.9	Kinh tế vĩ mô	
88	K50 HDDL 2	Nguyễn Thị Thái Bình	13/02/1998	10.0	5.0	6.5	Kinh tế vĩ mô	
89	K50 HDDL 2	Lương Thị Thu Hiền	29/10/1998	7.3	6.5	6.7	Kinh tế vĩ mô	
90	K50 HDDL 2	Võ Huy Hùng	09/11/1997	8.0	5.0	5.9	Kinh tế vĩ mô	
91	K50 HDDL 2	Phạm Thị Ngọc Linh	22/03/1998	9.3	8.0	8.4	Kinh tế vĩ mô	
92	K50 HDDL 2	Trần Thị Ngọc Linh	28/10/1998	7.3	7.5	7.4	Kinh tế vĩ mô	
93	K50 HDDL 2	Đỗ Thị Thu Nguyệt	27/06/1998	8.7	9.0	8.9	Kinh tế vĩ mô	
94	K50 HDDL 2	Trần Thị Đông Phương	28/06/1998	10.0	9.0	9.3	Kinh tế vĩ mô	
95	K50 HDDL 2	Nguyễn Văn Tài	11/10/1998	8.7	6.5	7.2	Kinh tế vĩ mô	
96	K50 HDDL 2	Đặng Công Tây	16/01/1998	3.0	5.5	4.8	Kinh tế vĩ mô	
97	K50 KTDL	Lê Trần Xuân Chương	25/04/1998	6.7	0.5	2.4	Kinh tế vĩ mô	
98	K50 KTDL	Đinh Xuân Hạ	12/04/1998	8.0	1.5	3.5	Kinh tế vĩ mô	
99	K50 KTDL	Văn Ny Hồng	01/01/1997	7.3	2.0	3.6	Kinh tế vĩ mô	
100	K50 KTDL	Hồ Đăng Nhật Huy	07/04/1997	8.0	2.0	3.8	Kinh tế vĩ mô	
101	K50 KTDL	Văn Thị Ngọc Huyền	08/04/1997	7.3	1.5	3.2	Kinh tế vĩ mô	
102	K50 KTDL	Trần Như Lại	11/01/1998	9.3	1.0	3.5	Kinh tế vĩ mô	
103	K50 KTDL	Hoàng Thị Diệu Linh	28/10/1998	8.0	4.5	5.6	Kinh tế vĩ mô	
104	K50 KTDL	Phan Thị Mỹ Linh	04/01/1998	8.7	6.0	6.8	Kinh tế vĩ mô	
105	K50 KTDL	Lê Hoàng Mỹ Loan	11/05/1997	8.7	6.0	6.8	Kinh tế vĩ mô	
106	K50 KTDL	Tạ Thị Nga	12/10/1998	8.7	2.0	4.0	Kinh tế vĩ mô	
107	K50 KTDL	Nguyễn Trần An Nguyên	25/04/1998	8.0	5.0	5.9	Kinh tế vĩ mô	
108	K50 KTDL	Nguyễn Cảnh Nhân	23/09/1998	8.7	2.5	4.4	Kinh tế vĩ mô	
109	K50 KTDL	Nguyễn Thị Nhiên	20/08/1997	9.3	2.5	4.5	Kinh tế vĩ mô	
110	K50 KTDL	Ngô Thị Quỳnh Như	10/08/1998	7.3	5.5	6.0	Kinh tế vĩ mô	
111	K50 KTDL	Phan Thị Hồng Phương	03/05/1998	9.3	3.5	5.2	Kinh tế vĩ mô	
112	K50 KTDL	Phạm Thị Kim Phượng	05/11/1998	9.3	10.0	9.8	Kinh tế vĩ mô	
113	K50 KTDL	Nguyễn Công Sách		1.7	2.5	2.3	Kinh tế vĩ mô	
114	K50 KTDL	Trần Thị Quỳnh Thi	06/03/1998	8.7	8.0	8.2	Kinh tế vĩ mô	
115	K50 KTDL	Trương Thị Minh Thi	26/03/1998	10.0	8.0	8.6	Kinh tế vĩ mô	
116	K50 KTDL	Lê Bình Vy Thực	20/01/1998	0.0	5.0	3.5	Kinh tế vĩ mô	
117	K50 KTDL	Tôn Nữ Kiều Vân	06/08/1998	8.0	8.5	8.4	Kinh tế vĩ mô	
118	K50 KTDL	Trần Văn Anh Vũ	13/12/1998	8.0	4.5	5.6	Kinh tế vĩ mô	
119	K50 QHCC	Hồ Thị Hồng Liên	10/01/1998	8.7	6.5	7.2	Kinh tế vĩ mô	
120	K50 QHCC	Võ Thị Trinh	17/03/1997	8.7	8.0	8.2	Kinh tế vĩ mô	
121	K50 QHCC	Vương Thị Hồng Vân	02/10/1998	8.7	7.5	7.9	Kinh tế vĩ mô	
122	K50 QLLH 1	Phạm Khoa Diệu Linh	01/10/1998	3.7	5.0	4.6	Kinh tế vĩ mô	
123	K50 QLLH 1	Lê Thị Ngọc Mai	30/08/1997	7.3	6.5	6.7	Kinh tế vĩ mô	
124	K50 QLLH 1	Nguyễn Thị Nguyên	01/06/1998	7.3	5.5	6.0	Kinh tế vĩ mô	
125	K50 QLLH 1	Nguyễn Thị Phượng	07/04/1998	7.3	7.0	7.1	Kinh tế vĩ mô	
126	K50 QLLH 1	Trần Đại Thắng	22/06/1998	7.3	2.0	3.6	Kinh tế vĩ mô	
127	K50 QLLH 1	Phạm Thu Thảo	04/07/1998	7.3	6.5	6.7	Kinh tế vĩ mô	
128	K50 QLLH 1	Trương Thị Thảo	02/12/1997	8.0	6.5	7.0	Kinh tế vĩ mô	
129	K50 QLLH 1	Bùi Thị Thùy Trang	24/05/1998	9.3	2.0	4.2	Kinh tế vĩ mô	
130	K50 QLLH 1	Lê Thị Minh Trang	01/08/1997	8.0	3.0	4.5	Kinh tế vĩ mô	
131	K50 QLLH 1	Mai Thị Thanh Tuyền	12/10/1998	9.3	6.0	7.0	Kinh tế vĩ mô	
132	K50 QLLH 2	Nguyễn Thị Ngọc Ái Linh	07/03/1998	0.0	6.0	4.2	Kinh tế vĩ mô	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
133	K50 QLLH 2	Lê Thị Khánh	Ly	19/07/1998	0.0	1.0	0.7	Kinh tế vĩ mô	
134	K50 QTKD	Lê Thị Thu	Hoài	28/07/1998	9.3	7.5	8.0	Kinh tế vĩ mô	
135	K50 TCSK	Nguyễn Thị Mỹ	Hòa	17/01/1998	8.0	7.0	7.3	Kinh tế vĩ mô	
136	K50 TCSK	Ngô Gia	Huy	21/10/1998	3.0	5.5	4.8	Kinh tế vĩ mô	
137	K50 TCSK	Phan Thị Ngọc	Mai	08/01/1998	8.7	7.5	7.9	Kinh tế vĩ mô	
138	K50 TCSK	Dương Thị Trà	Mi	03/07/1998	8.0	7.5	7.7	Kinh tế vĩ mô	
139	K50 TCSK	Trần Thị Như	Ngọc	17/08/1998	8.7	7.5	7.9	Kinh tế vĩ mô	
140	K50 TCSK	Huỳnh Thị Hồng	Phượng	07/02/1997	8.7	8.0	8.2	Kinh tế vĩ mô	
141	K50 TCSK	Trần Thanh Nhật	Thi	06/10/1998	8.0	8.0	8.0	Kinh tế vĩ mô	
142	K50 TCSK	Đoàn Bảo	Vi	14/08/1998	7.3	7.0	7.1	Kinh tế vĩ mô	
143	K50 TMDT	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	01/01/1998	9.3	8.0	8.4	Kinh tế vĩ mô	
144	K50 TMDT	Nguyễn Văn	Hùng	28/02/1998	3.0	3.0	3.0	Kinh tế vĩ mô	
145	K50 TMDT	Lưu Thị Uyên	My	28/11/1998	8.7	8.0	8.2	Kinh tế vĩ mô	
146	K50 TMDT	Đỗ Thị Phương	Thảo	19/10/1997	8.7	8.0	8.2	Kinh tế vĩ mô	
147	K50 TTMKT	Trần Thị	Hằng	02/07/1998	0.0	8.0	5.6	Kinh tế vĩ mô	
148	K50 TTMKT	Lê Thị Thanh	Hương	14/07/1998	7.3	7.0	7.1	Kinh tế vĩ mô	
149	K50 TTMKT	Hoàng Thị	Thắm	23/12/1998	7.3	7.5	7.4	Kinh tế vĩ mô	
150	K50 TTMKT	Dương Bảo	Trâm	08/03/1998	8.7	7.5	7.9	Kinh tế vĩ mô	
151	K51 LH A	Trần Nguyễn Hoa	My	28/05/1999	8.0	7.0	7.3	Kinh tế vĩ mô	
152	K51 LH A	Nguyễn Thị	Nhung	07/01/1999	8.0	7.0	7.3	Kinh tế vĩ mô	
153	K51 QTKD B	Trần Thị Minh	Hiền	19/05/1999	7.3	6.5	6.7	Kinh tế vĩ mô	
154	K49 QLLH 1	Trần Nhã	Kỳ	21/11/1996	6.7	4.0	4.8	Kinh tế lượng	
155	K49 QLLH 1	Nguyễn Thị Mê	Lin	01/10/1997	7.9	3.0	4.5	Kinh tế lượng	
156	K49 TTMKT	Cánh Vân Tôn Nữ Anh	Thy	02/10/1996	8.0	3.5	4.9	Kinh tế lượng	
157	K49 TTMKT	Lê Thị Minh	Trang	05/06/1996	8.0	3.8	5.1	Kinh tế lượng	
158	K50 TMDT	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	01/01/1998	5.3	6.0	5.8	Kinh tế lượng	
159	K50 TMDT	Nguyễn Huỳnh Yên	Chi	09/05/1998	8.0	6.0	6.6	Kinh tế lượng	
160	K48 TMDT	Ngô Bảo	Chung	09/09/1995	8.2	6.5	7.0	Kinh tế lượng	
161	K50 HDDL 2	Lê Thị Các	Hải	15/04/1998	9.2	6.8	7.5	Kinh tế lượng	
162	K48 HDDL	Lương Đức	Hiếu	30/05/1996	7.7	7.3	7.4	Kinh tế lượng	
163	K48 HDDL	Nguyễn Thị Thu	Hoài	17/02/1996	9.3	3.0	4.9	Kinh tế lượng	
164	K50 TTMKT	Lê Thị Thanh	Hương	14/07/1998	9.3	7.3	7.9	Kinh tế lượng	
165	K48 QHCC	Phạm Quốc	Huy	27/01/1996	8.0	7.3	7.5	Kinh tế lượng	
166	K50 HDDL 1	Nguyễn Duy	Huy	17/03/1997	8.2	5.5	6.3	Kinh tế lượng	
167	K50 HDDL 2	Lê Thị Thu	Huyền	05/05/1998	8.2	5.5	6.3	Kinh tế lượng	
168	K50 QHCC	Hồ Thị Hồng	Liên	10/01/1998	8.0	8.0	8.0	Kinh tế lượng	
169	K48 Qtri	Ngô Anh	Minh	30/10/1994	8.7	7.0	7.5	Kinh tế lượng	
170	K50 TMDT	Lưu Thị Uyên	My	28/11/1998	6.7	7.0	6.9	Kinh tế lượng	
171	K50 HDDL 3	Nguyễn Bạch Nguyên Thảo	Ngọc	16/02/1998	9.3	8.3	8.6	Kinh tế lượng	
172	K48 TTMKT	Lê Đức	Nhật	07/06/1995	9.3	8.5	8.7	Kinh tế lượng	
173	K48 QLLH 2	Trần Thị Quỳnh	Như	20/03/1996	9.2	4.5	5.9	Kinh tế lượng	
174	K48 QHCC	Trần Thị Anh	Phượng	02/01/1996	9.3	4.5	5.9	Kinh tế lượng	
175	K50 HDDL 2	Trần Thị Đông	Phượng	28/06/1998	8.0	6.0	6.6	Kinh tế lượng	
176	K48 KTDL	Châu Thị Như	Quỳnh	04/06/1996	9.2	8.0	8.4	Kinh tế lượng	
177	K48 QHCC	Lê Thị Hương	Sen	03/08/1995	9.3	8.0	8.4	Kinh tế lượng	
178	K48 QTKD	Trịnh Thu	Thủy	26/11/1996	8.0	8.0	8.0	Kinh tế lượng	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
179	K47 HDDL	Vũ Doan	Trang	21/11/1992	8.0	8.0	8.0	Kinh tế lượng	
180	K48 Qtri	Nguyễn Văn	Trương	15/06/1995	8.7	4.5	5.8	Kinh tế lượng	
181	K48 QHCC	Nguyễn Thị Lan	Vi	16/05/1995	9.3	5.5	6.6	Kinh tế lượng	
182	K48 KTDL	Vệ Chí	Hào	17/05/1995	9.1	9.0	9.0	Kinh tế môi trường	
183	K49 KTDL	Lê Thị Minh	Nga	01/02/1995	9.7	8.5	8.9	Kinh tế môi trường	
184	K49 KTDL	Nguyễn Thị Hà	Nhi	28/07/1997	10.0	8.5	9.0	Kinh tế môi trường	
185	K49 KTDL	Nguyễn Thị Ý	Nhi	02/08/1997	10.0	9.0	9.3	Kinh tế môi trường	
186	K49 KTDL	Trần Thị Quỳnh	Như	05/11/1997	10.0	8.0	8.6	Kinh tế môi trường	
187	K49 KTDL	Phạm Lê Hạnh	Phước	26/02/1997	2.7	8.0	6.4	Kinh tế môi trường	
188	K49 KTDL	Lê Thị Thúy	Quỳnh	03/10/1997	9.3	9.0	9.1	Kinh tế môi trường	
189	K50 KTDL	Từ Thị Thu	Trâm	01/04/1998	9.3	9.0	9.1	Kinh tế môi trường	
190	K49 KTDL	Đình Thị Hà	Vy	04/12/1996	10.0	8.0	8.6	Kinh tế môi trường	
191	K49 TMDT	Lê Thị Khánh	Hà	02/09/1996	8.3	8.0	8.1	Kinh tế vi mô	
192	K49 TMDT	Nguyễn Thị Thu	Hiền	05/07/1997	7.7	8.0	7.9	Kinh tế vi mô	
193	K49 QLLH 3	Trần Thị Kim	Loan	29/09/1997	7.3	7.8	7.7	Kinh tế vi mô	
194	K48 QHCC	Ngô Thị Minh	Châu	03/06/1996	9.3	7.4	8.0	Kinh tế vi mô	
195	K50 TMDT	Trương Huyền	Diệu	20/09/1998	10.0	9.5	9.7	Kinh tế vi mô	
196	K48 TMDT	Nguyễn Phước	Long	03/05/1995	8.7	6.9	7.4	Kinh tế vi mô	
197	K48 TTMKT	Nguyễn Thị Thảo	Ly	23/09/1996	9.3	6.8	7.6	Kinh tế vi mô	
198	K50 TMDT	Đào Thị Diệu	Minh	09/02/1998	10.0	9.2	9.4	Kinh tế vi mô	
199	K49 TCSK	Đặng Thị Kim	Oanh	10/03/1997	9.0	7.5	8.0	Kinh tế vi mô	
200	K48 KTDL	Châu Thị Như	Quỳnh	04/06/1996	9.3	8.8	9.0	Kinh tế vi mô	
201	K49 TCSK	Lê Thị Như	Quỳnh	15/04/1997	9.0	8.5	8.7	Kinh tế vi mô	
202	K48 QHCC	Hồ Lê Trí	Trung	19/05/1996	7.3	7.3	7.3	Kinh tế vi mô	
203	K47 QLLH	Lê Thị Hải	Yến	12/09/1995	7.3	5.5	6.0	Kinh tế vi mô	
204	K49 QLLH 1	Trần Nhã	Kỳ	21/11/1996	1.5	9.0	6.0	NNLCB CNMLN1	
205	K49 QTKD	Nguyễn Văn	Bình	29/08/1997	7.9	8.5	8.3	NNLCB CNMLN1	
206	K49 TMDT	Lê Thị Khánh	Hà	02/09/1996	7.3	9.0	8.3	NNLCB CNMLN1	
207	K48 QHCC	A	Bền	07/06/1989	8.3	9.0	8.7	NNLCB CNMLN1	
208	K48 QHCC	Khương Quốc	Hung	22/12/1995	8.3	6.0	6.9	NNLCB CNMLN1	
209	K48 QHCC	Hồ Thị Linh	Nhi	07/12/1996	1.5	5.0	3.6	NNLCB CNMLN1	
210	K48 QTKD	Nguyễn Đức	Đoàn	20/01/1993	8.6	8.5	8.5	NNLCB CNMLN1	
211	K48 TCSK	Nguyễn Khoa Thanh	Nhàng	02/11/1996	9.0	8.5	8.7	NNLCB CNMLN1	
212	K48 TCSK	Lê Thị Thuý	Nhiên	21/09/1996	10.0	9.5	9.7	NNLCB CNMLN1	
213	K48 TMDT	Ngô Bảo	Chung	09/09/1995	9.3	9.0	9.1	NNLCB CNMLN1	
214	K49 QHCC	Bùi Thị Như	Ngọc	30/10/1997	8.6	8.0	8.2	NNLCB CNMLN1	
215	K49 QHCC	Nguyễn Thị Tâm	Nhi	09/11/1997	8.3	8.0	8.1	NNLCB CNMLN1	
216	K49 QHCC	Đỗ Lê Nhật	Quang	07/12/1997	7.6	8.0	7.8	NNLCB CNMLN1	
217	K49 QHCC	Bùi Xuân	Việt	11/12/1997	7.3	8.5	8.0	NNLCB CNMLN1	
218	K49 QLLH 2	Đặng Thị Thu	Hường	08/10/1997	7.3	7.0	7.1	NNLCB CNMLN1	
219	K49 QLLH 2	Trần Thị Thu	Thùy	27/02/1997	8.3	8.0	8.1	NNLCB CNMLN1	
220	K49 QLLH 2	Phan Thị Doan	Trang	16/09/1997	7.3	8.0	7.7	NNLCB CNMLN1	
221	K49 TCSK	Phạm Thị Ngọc	Bích	04/11/1997	8.3	7.0	7.5	NNLCB CNMLN1	
222	K50 HDDL 1	Trần Lê Ngọc	Ánh	21/01/1998	9.3	8.0	8.5	NNLCB CNMLN1	
223	K50 HDDL 2	Lê Thị Như	Quỳnh	01/07/1997	9.6	8.0	8.6	NNLCB CNMLN1	
224	K50 HDDL 3	Ninh Thị	Hào	23/10/1998	9.6	7.0	8.0	NNLCB CNMLN1	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
225	K50 HDDL 3	Nguyễn Văn	Huy	05/08/1998	9.6	8.0	8.6	NNLCB CNMLN1	
226	K50 QHCC	Phan Thanh	Xuân	13/11/1998	8.6	7.5	7.9	NNLCB CNMLN1	
227	K50 QLLH 2	Trương Thị Thanh	Thảo	17/07/1998	2.3	7.0	5.1	NNLCB CNMLN1	
228	K50 TTMKT	Nguyễn Sơn	Lâm	22/03/1997	8.5	5.0	6.4	NNLCB CNMLN1	
229	K51 LH C	Trần Văn	Tâm	04/04/1999	9.3	8.0	8.5	NNLCB CNMLN1	
230	K51 QTKD B	Bùi Quang	Nhật	13/04/1999	8.0	8.5	8.3	NNLCB CNMLN1	
231	K51 QTKD B	Trần Đặng Ngọc	Phú	21/07/1999	8.0	7.0	7.4	NNLCB CNMLN1	
232	K49 HDDL	Nguyễn Ngọc	Anh	28/05/1997	7.8	9.0	8.5	NNLCB CNMLN2	
233	K49 QTKD	Nguyễn Văn	Bình	29/08/1997	7.8	8.0	7.9	NNLCB CNMLN2	
234	K49 TTMKT	Võ Thị Tiểu	Oanh	24/03/1995	8.5	9.0	8.8	NNLCB CNMLN2	
235	K49 TTMKT	Nguyễn Trần Tú	Trần	07/10/1997	8.5	9.0	8.8	NNLCB CNMLN2	
236	K48 HDDL	Nguyễn Vũ Gia	Mân	12/10/1996	9.0	9.0	9.0	NNLCB CNMLN2	
237	K48 HDDL	Hồ Thị Bích	Ngọc	20/11/1995	8.3	9.0	8.7	NNLCB CNMLN2	
238	K48 KTDL	Vê Chí	Hào	17/05/1995	9.0	7.5	8.1	NNLCB CNMLN2	
239	K48 KTDL	Lê Thị Quỳnh	Tiên	29/06/1996	8.5	7.5	7.9	NNLCB CNMLN2	
240	K48 KTDL	Phạm Thị	Tý	17/07/1995	9.0	9.0	9.0	NNLCB CNMLN2	
241	K48 QHCC	Nguyễn Thị Hoài	Nhân	25/06/1996	8.3	3.0	5.1	NNLCB CNMLN2	
242	K48 QHCC	Hồ Thị Linh	Nhi	07/12/1996	0.0	3.5	2.1	NNLCB CNMLN2	
243	K48 QTKD	Trịnh Thu	Thuý	26/11/1996	9.0	9.0	9.0	NNLCB CNMLN2	
244	K48 Qtri	Nguyễn Văn	Trương	15/06/1995	0.0	7.0	4.2	NNLCB CNMLN2	
245	K48 TMDT	Lê Hiếu Vũ	Long	20/03/1996	8.3	7.0	7.5	NNLCB CNMLN2	
246	K48 TMDT	Nguyễn Phước	Long	03/05/1995	9.0	6.0	7.2	NNLCB CNMLN2	
247	K48 TMDT	Nguyễn Minh	Tuấn	05/07/1996	8.3	5.0	6.3	NNLCB CNMLN2	
248	K48 TTMKT	Lê Đức	Nhật	07/06/1995	8.3	7.0	7.5	NNLCB CNMLN2	
249	K49 KTDL	Ngô Thị Thùy	Trang	17/08/1997	8.3	8.5	8.4	NNLCB CNMLN2	
250	K49 QHCC	Bùi Thị Như	Ngọc	30/10/1997	9.0	7.0	7.8	NNLCB CNMLN2	
251	K49 TCSK	Trần Thị Khánh	Ly	07/09/1997	7.8	5.0	6.1	NNLCB CNMLN2	
252	K49 TCSK	Lê Thị Thảo	Ngân	16/09/1997	9.0	5.0	6.6	NNLCB CNMLN2	
253	K49 TCSK	Trần Nguyễn Hạ	Thi	20/04/1995	9.0	5.0	6.6	NNLCB CNMLN2	
254	K49 TCSK	Lê Trung	Tiến	01/02/1997	8.8	8.5	8.6	NNLCB CNMLN2	
255	K50 HDDL 1	Đào Ngọc	Nguyên	21/02/1998	7.8	8.5	8.2	NNLCB CNMLN2	
256	K50 HDDL 2	Trần Thị Ngọc	Linh	28/10/1998	8.5	8.5	8.5	NNLCB CNMLN2	
257	K50 HDDL 2	Phan Ngọc Minh	Quân	27/09/1998	9.0	9.0	9.0	NNLCB CNMLN2	
258	K50 HDDL 3	Nguyễn Việt Phạm	Hoà	03/09/1998	9.0	8.0	8.4	NNLCB CNMLN2	
259	K50 KTDL	Lê Trần Xuân	Chương	25/04/1998	8.3	8.5	8.4	NNLCB CNMLN2	
260	K50 KTDL	Lê Hoàng Mỹ	Loan	11/05/1997	8.3	8.5	8.4	NNLCB CNMLN2	
261	K50 QHCC	Trần Thị Phương	Nhung	25/05/1998	9.0	8.5	8.7	NNLCB CNMLN2	
262	K50 QHCC	Bùi Thị Kim	Thoa	27/05/1998	9.0	9.0	9.0	NNLCB CNMLN2	
263	K50 QLLH 2	Ung Đoàn Thanh	Vũ	03/02/1998	8.3	8.0	8.1	NNLCB CNMLN2	
264	K50 TCSK	Trương Thị Ngọc	Ánh	21/03/1998	9.3	9.0	9.1	NNLCB CNMLN2	
265	K50 TMDT	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	01/01/1998	9.0	9.0	9.0	NNLCB CNMLN2	
266	K50 TMDT	Nguyễn Thành	Đạt	02/01/1998	9.0	7.5	8.1	NNLCB CNMLN2	
267	K50 TMDT	Phan Thị	Hà	03/02/1998	8.5	6.0	7.0	NNLCB CNMLN2	
268	K50 TTMKT	Nguyễn Nhật	Anh	22/04/1998	8.8	8.0	8.3	NNLCB CNMLN2	
269	K50 TTMKT	Trần Thị Thu	Thảo	15/07/1998	8.3	9.0	8.7	NNLCB CNMLN2	
270	K50 TTMKT	Dương Thúy	Vy	17/04/1998	9.0	9.0	9.0	NNLCB CNMLN2	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
271	K48 HDDL	Nguyễn Thị Thanh Hằng	02/11/1996	0.0	6.0	4.2	Nguyên lý kế toán	
272	K48 HDDL	Lương Đức Hiếu	30/05/1996	8.0	7.0	7.3	Nguyên lý kế toán	
273	K48 HDDL	Nguyễn Thị Thu Hoài	17/02/1996	10.0	6.5	7.6	Nguyên lý kế toán	
274	K48 QLLH 2	Trần Thị Quỳnh Như	20/03/1996	8.0	8.0	8.0	Nguyên lý kế toán	
275	K49 QLLH 2	Đặng Vũ Minh Phương	08/03/1997	0.0	7.5	5.3	Nguyên lý kế toán	
276	K50 HDDL 3	Phan Thị Minh	16/09/1998	8.0	7.5	7.7	Nguyên lý kế toán	
277	K50 HDDL 3	Văn Thị Song	02/10/1998	10.0	7.0	7.9	Nguyên lý kế toán	
278	K50 HDDL 3	Lê Thị Sỹ	23/01/1997	8.0	7.0	7.3	Nguyên lý kế toán	
279	K50 KTDL	Nguyễn Thị Hương Sen	20/02/1998	10.0	6.5	7.6	Nguyên lý kế toán	
280	K50 KTDL	Lê Bình Vy Thực	20/01/1998	8.0	6.0	6.6	Nguyên lý kế toán	
281	K50 QLLH 1	Nguyễn Tấn Quý	06/09/1998	9.0	7.5	8.0	Nguyên lý kế toán	
282	K50 TCSK	Nguyễn Thị Khánh Hiền	17/08/1998	10.0	6.5	7.6	Nguyên lý kế toán	
283	K50 TCSK	Trần Thanh Nhật Thi	06/10/1998	9.0	7.0	7.6	Nguyên lý kế toán	
284	K50 TMDT	Tào Thanh Long	29/06/1996	10.0	7.5	8.3	Nguyên lý kế toán	
285	K50 TMDT	Nguyễn Thị Ngân	22/11/1998	10.0	6.5	7.6	Nguyên lý kế toán	
286	K50 TTMKT	Trần Thị Thu Thảo	15/07/1998	0.0	6.5	4.6	Nguyên lý kế toán	
287	K46 QHCC	Nguyễn Ngọc Lạc Thư	02/06/1992	8.7	6.5	7.2	Nguyên lý thống kê kinh tế	
288	K46 QHCC	Nguyễn Ngọc Lạc Thư	02/06/1992	8.7	8.0	8.2	Nhập môn quan hệ công chúng	
289	K46 QHCC	Nguyễn Ngọc Lạc Thư	02/06/1992	9.3	8.0	8.4	Nhập môn thương mại điện tử	
290	K46 TTMKT	Phan Quang Vinh	10/12/1994	9.3	8.0	8.4	Nhập môn thương mại điện tử	
291	K48 TMDT	Trần Hiếu Xuân Bình	16/01/1996	8.3	6.0	6.7	Nhập môn thương mại điện tử	
292	K48 TMDT	Ngô Bảo Chung	09/09/1995	8.3	7.5	7.7	Nhập môn thương mại điện tử	
293	K48 TMDT	Đoàn Văn Luyện	29/01/1995	8.3	7.5	7.7	Nhập môn thương mại điện tử	
294	K48 TMDT	Lê Nguyễn Phương Nhi	18/11/1996	8.3	6.0	6.7	Nhập môn thương mại điện tử	
295	K48 TMDT	Phan Nguyễn Chiến Thắng	10/12/1996	8.3	6.0	6.7	Nhập môn thương mại điện tử	
296	K49 QLLH 3	Trần Thị Kim Loan	29/09/1997	1.7	7.0	5.4	Pháp luật đại cương	
297	K49 QTKD	Hồ Đình Lực	19/06/1997	1.7	6.0	4.7	Pháp luật đại cương	
298	K49 TTMKT	Võ Thị Tiểu Oanh	24/03/1995	8.7	7.0	7.5	Pháp luật đại cương	
299	K47 TMDT	Trần Nguyễn Đại Dương	15/10/1995	6.0	6.0	6.0	Pháp luật đại cương	
300	K48 TCSK	Nguyễn Khoa Thanh Nhàn	02/11/1996	8.0	8.0	8.0	Pháp luật đại cương	
301	K49 KTDL	Ngô Thị Thùy Trang	17/08/1997	5.7	7.5	7.0	Pháp luật đại cương	
302	K49 KTDL	Lê Tấn Hoàng Vũ	09/01/1997	7.3	5.0	5.7	Pháp luật đại cương	
303	K49 QHCC	Nguyễn Thị Tâm Nhi	09/11/1997	7.3	7.5	7.4	Pháp luật đại cương	
304	K49 QHCC	Lê Thị Thu Thủy	05/07/1997	7.3	7.0	7.1	Pháp luật đại cương	
305	K49 QHCC	Lê Thị Trang	02/03/1997	7.3	6.0	6.4	Pháp luật đại cương	
306	K49 QHCC	Võ Thiện Tuấn	05/01/1997	6.7	5.5	5.9	Pháp luật đại cương	
307	K49 QLLH 2	Nguyễn Dương Quỳnh	08/09/1997	8.7	6.0	6.8	Pháp luật đại cương	
308	K49 TCSK	Lê Thị Thảo Ngân	16/09/1997	5.3	7.0	6.5	Pháp luật đại cương	
309	K49 TCSK	Lê Thị Kim Nguyệt	16/11/1997	7.3	5.0	5.7	Pháp luật đại cương	
310	K50 HDDL 1	Lương Thị Ái Hiền	08/08/1997	6.7	6.0	6.2	Pháp luật đại cương	
311	K50 HDDL 1	Phạm Thị Thùy Trang	25/04/1998	6.7	5.0	5.5	Pháp luật đại cương	
312	K50 HDDL 2	Tiêu Việt Đền	10/05/1998	8.0	5.0	5.9	Pháp luật đại cương	
313	K50 HDDL 2	Lê Thị Như Quỳnh	01/07/1997	6.7	5.0	5.5	Pháp luật đại cương	
314	K50 HDDL 3	Trần Thị Thúy Hằng	26/12/1998	9.3	7.0	7.7	Pháp luật đại cương	
315	K50 HDDL 3	Ninh Thị Hào	23/10/1998	8.0	6.0	6.6	Pháp luật đại cương	
316	K50 HDDL 3	Trần Thị Hoài Thương	02/04/1998	8.0	6.0	6.6	Pháp luật đại cương	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
317	K50 HDDL 3	Nguyễn Hữu Tiến	15/04/1998	8.0	6.0	6.6	Pháp luật đại cương	
318	K50 HDDL 3	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	19/03/1998	8.7	7.5	7.9	Pháp luật đại cương	
319	K50 KTDL	Trần Như Lại	11/01/1998	8.0	6.0	6.6	Pháp luật đại cương	
320	K50 QHCC	Phạm Thị Ngọc Oanh	28/05/1998	8.0	6.5	7.0	Pháp luật đại cương	
321	K50 QLLH 1	Nguyễn Thị Thùy Duyên	04/01/1998	8.7	5.0	6.1	Pháp luật đại cương	
322	K50 QLLH 1	Nguyễn Thị Diệu Hiền	13/07/1998	8.0	7.5	7.7	Pháp luật đại cương	
323	K50 QLLH 2	Nguyễn Thị Ngọc Ái Linh	07/03/1998	5.7	7.0	6.6	Pháp luật đại cương	
324	K50 QLLH 2	Lê Thị Khánh Ly	19/07/1998	8.0	7.0	7.3	Pháp luật đại cương	
325	K50 QLLH 2	Phan Thị Thảo Như	24/02/1998	8.7	7.0	7.5	Pháp luật đại cương	
326	K50 QLLH 2	Trương Thị Thanh Thảo	17/07/1998	5.7	7.0	6.6	Pháp luật đại cương	
327	K50 QLLH 2	Đinh Thị Thanh Ý	08/07/1998	8.0	6.5	7.0	Pháp luật đại cương	
328	K50 TCSK	Lê Thị Thanh Thu	03/08/1997	6.7	4.0	4.8	Pháp luật đại cương	
329	K50 TMDT	Nguyễn Huỳnh Yên Chi	09/05/1998	7.3	6.5	6.7	Pháp luật đại cương	
330	K50 TMDT	Nguyễn Thành Đạt	02/01/1998	7.3	5.0	5.7	Pháp luật đại cương	
331	K50 TMDT	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	09/02/1998	8.0	5.0	5.9	Pháp luật đại cương	
332	K46 QHCC	Nguyễn Ngọc Lạc Thư	02/06/1992	8.7	9.0	8.9	Quản trị học	
333	K49 HDDL	Lê Quang Khải	23/02/1996	6.7	3.5	4.5	Toán cao cấp 1	
334	K49 TMDT	Lê Thị Khánh Hà	02/09/1996	9.3	3.5	5.2	Toán cao cấp 1	
335	K49 TTMKT	Nguyễn Phước Quang	24/04/1996	7.3	6.0	6.4	Toán cao cấp 1	
336	K48 HDDL	Lương Đức Hiếu	30/05/1996	9.3	7.0	7.7	Toán cao cấp 1	
337	K48 HDDL	Phan Thị An Phú	15/08/1996	2.7	7.5	6.1	Toán cao cấp 1	
338	K48 HDDL	Nguyễn Thị Quyên	07/04/1996	2.7	7.5	6.1	Toán cao cấp 1	
339	K48 QHCC	A Bền	07/06/1989	10.0	5.0	6.5	Toán cao cấp 1	
340	K48 QLLH 1	Trương Anh Nhật Uyên	29/09/1996	7.0	6.5	6.7	Toán cao cấp 1	
341	K48 Qtri	Nguyễn Văn Trường	15/06/1995	9.3	5.0	6.3	Toán cao cấp 1	
342	K49 KTDL	Lê Thị Thúy Quỳnh	03/10/1997	10.0	6.0	7.2	Toán cao cấp 1	
343	K49 QHCC	Đặng Thị Ngà	04/11/1997	3.0	7.0	5.8	Toán cao cấp 1	
344	K49 QHCC	Đỗ Lê Nhật Quang	07/12/1997	7.3	7.5	7.4	Toán cao cấp 1	
345	K49 QLLH 2	Nguyễn Thị Huyền Nhi	07/11/1997	9.3	6.0	7.0	Toán cao cấp 1	
346	K49 QLLH 2	Phan Thị Đoan Trang	16/09/1997	9.3	7.5	8.0	Toán cao cấp 1	
347	K49 TCSK	Phạm Thị Ngọc Bích	04/11/1997	9.3	6.5	7.3	Toán cao cấp 1	
348	K49 TCSK	Lê Tấn Chinh	16/01/1997	6.0	6.5	6.4	Toán cao cấp 1	
349	K49 TCSK	Nguyễn Thị Hằng	23/03/1997	7.3	7.5	7.4	Toán cao cấp 1	
350	K49 TCSK	Nguyễn Thị Thùy Linh	05/06/1997	5.3	7.0	6.5	Toán cao cấp 1	
351	K50 HDDL 1	Trần Lê Ngọc Ánh	21/01/1998	10.0	7.5	8.3	Toán cao cấp 1	
352	K50 HDDL 1	Phạm Đình Bạch Linh	20/02/1997	9.7	6.5	7.5	Toán cao cấp 1	
353	K50 HDDL 1	Đào Ngọc Nguyên	21/02/1998	9.7	7.0	7.8	Toán cao cấp 1	
354	K50 HDDL 1	Trần Trọng Tín	11/09/1997	10.0	7.5	8.3	Toán cao cấp 1	
355	K50 HDDL 1	Trần Văn Tuấn	23/09/1997	7.3	7.5	7.4	Toán cao cấp 1	
356	K50 HDDL 2	Tiêu Việt Đền	10/05/1998	9.3	6.0	7.0	Toán cao cấp 1	
357	K50 HDDL 2	Trần Thị Minh Nguyệt	28/03/1998	9.0	6.0	6.9	Toán cao cấp 1	
358	K50 HDDL 2	Nguyễn Thị Anh Thư	08/09/1998	10.0	7.5	8.3	Toán cao cấp 1	
359	K50 HDDL 2	Võ Thị Thanh Trang	04/01/1998	6.3	7.0	6.8	Toán cao cấp 1	
360	K50 HDDL 2	Hà Lê Thị Ven	17/01/1997	10.0	7.0	7.9	Toán cao cấp 1	
361	K50 HDDL 3	Hồ Ngọc Phương Minh	03/01/1996	10.0	7.0	7.9	Toán cao cấp 1	
362	K50 HDDL 3	Phan Thị Minh	16/09/1998	10.0	7.5	8.3	Toán cao cấp 1	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
363	K50 HDDL 3	Nguyễn Văn Phước	26/12/1998	10.0	7.0	7.9	Toán cao cấp 1	
364	K50 HDDL 3	Mai Anh Quốc	20/08/1998	9.7	6.5	7.5	Toán cao cấp 1	
365	K50 HDDL 3	Lê Thị Sỹ	23/01/1997	8.3	5.0	6.0	Toán cao cấp 1	
366	K50 HDDL 3	Nguyễn Phương Thảo	06/02/1998	7.3	3.5	4.6	Toán cao cấp 1	
367	K50 HDDL 3	Nguyễn Thị Cẩm Tú	16/06/1998	7.0	5.0	5.6	Toán cao cấp 1	
368	K50 KTDL	Hoàng Thị Diệu Linh	28/10/1998	10.0	7.5	8.3	Toán cao cấp 1	
369	K50 KTDL	Tạ Thị Nga	12/10/1998	10.0	9.0	9.3	Toán cao cấp 1	
370	K50 KTDL	Phan Thị Kiều Oanh	09/08/1998	10.0	7.0	7.9	Toán cao cấp 1	
371	K50 KTDL	Lê Bình Vy	20/01/1998	2.7	7.0	5.7	Toán cao cấp 1	
372	K50 QHCC	Hồ Thị Hồng Liên	10/01/1998	6.0	6.0	6.0	Toán cao cấp 1	
373	K50 QLLH 1	Phạm Thị Quỳnh Anh	03/08/1998	8.3	5.0	6.0	Toán cao cấp 1	
374	K50 QLLH 1	Nguyễn Thị Hương	18/01/1997	10.0	7.5	8.3	Toán cao cấp 1	
375	K50 QLLH 1	Phạm Khoa Diệu Linh	01/10/1998	7.0	6.0	6.3	Toán cao cấp 1	
376	K50 QLLH 1	Lê Đình Thảo	24/05/1998	2.7	7.5	6.1	Toán cao cấp 1	
377	K50 QLLH 1	Tương Thị Thiết	02/09/1997	8.0	6.0	6.6	Toán cao cấp 1	
378	K50 QLLH 2	Phạm Thị Hà Lan	06/05/1998	10.0	6.5	7.6	Toán cao cấp 1	
379	K50 QLLH 2	Nguyễn Thị Ngọc Ái	07/03/1998	9.7	5.5	6.8	Toán cao cấp 1	
380	K50 QLLH 2	Nguyễn Thị Diệu My	14/10/1998	7.0	8.0	7.7	Toán cao cấp 1	
381	K50 QLLH 2	Trần Thị Quỳnh Như	29/06/1997	6.3	7.5	7.1	Toán cao cấp 1	
382	K50 QLLH 2	Trần Thị Thanh Trang	01/01/1998	5.7	8.0	7.3	Toán cao cấp 1	
383	K50 QLLH 2	Ung Đoàn Thanh Vũ	03/02/1998	9.7	6.0	7.1	Toán cao cấp 1	
384	K50 TCSK	Phan Thị Ngọc Mai	08/01/1998	9.7	7.0	7.8	Toán cao cấp 1	
385	K51 KTDL	Nguyễn Thị Như Ý	01/11/1999	2.7	6.5	5.4	Toán cao cấp 1	
386	K51 LH A	Trần Thị Minh Anh	16/10/1999	10.0	7.0	7.9	Toán cao cấp 1	
387	K51 LH A	Hoàng Mạnh Hùng	29/12/1999	7.3	4.0	5.0	Toán cao cấp 1	
388	K51 LH C	Hà Thị Vân Anh	11/09/1999	6.3	5.0	5.4	Toán cao cấp 1	
389	K51 LH C	Nguyễn Thị Vân Ánh	20/10/1999	9.7	5.5	6.8	Toán cao cấp 1	
390	K51 LH C	Huỳnh Văn Đức	12/08/1999	7.0	4.5	5.3	Toán cao cấp 1	
391	K51 LH C	Trương Thị Mỹ Hằng	06/12/1999	6.0	4.5	5.0	Toán cao cấp 1	
392	K51 LH C	Nguyễn Thành Lân	11/08/1999	7.0	4.5	5.3	Toán cao cấp 1	
393	K51 LH C	Nguyễn Thị Mương	15/07/1998	7.0	4.5	5.3	Toán cao cấp 1	
394	K51 LH C	Viên Thị Hiền My	10/09/1998	7.3	5.5	6.0	Toán cao cấp 1	
395	K51 LH C	Bùi Thị Mỹ Phi	06/09/1999	5.7	5.5	5.6	Toán cao cấp 1	
396	K51 LH C	Phạm Ngọc Sơn	26/10/1999	9.7	4.5	6.1	Toán cao cấp 1	
397	K51 LH C	Hoàng Thị Tâm	26/01/1999	6.0	4.5	5.0	Toán cao cấp 1	
398	K51 QTKD A	Nguyễn Thị Xuân Quý	20/12/1999	6.7	5.0	5.5	Toán cao cấp 1	
399	K51 QTKD A	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	22/03/1999	7.7	0.0	2.3	Toán cao cấp 1	
400	K51 QTKD B	Lê Thị Mỹ Diễm	20/09/1999	8.7	5.5	6.5	Toán cao cấp 1	
401	K51 QTKD B	Phan Thị Giáng Hương	19/11/1999	9.3	8.5	8.7	Toán cao cấp 1	
402	K51 QTKD B	Hồ Thị Bích Liên	30/11/1999	9.7	9.0	9.2	Toán cao cấp 1	
403	K51 QTKD B	Hồ Thị Du Mỹ	20/03/1999	10.0	9.0	9.3	Toán cao cấp 1	
404	K51 QTKD B	Lê Thị Ngọc	17/02/1999	9.7	8.5	8.9	Toán cao cấp 1	
405	K51 QTKD B	Bùi Quang Nhật	13/04/1999	4.3	9.5	7.9	Toán cao cấp 1	
406	K51 QTKD C	Lê Hữu Quốc Đại	23/06/1999	7.0	3.5	4.6	Toán cao cấp 1	
407	K51 QTKD C	Huỳnh Thị Ý Nhi	22/04/1999	7.3	4.5	5.3	Toán cao cấp 1	
408	K51 QTKD C	Đặng Văn Nhật Quang	05/06/1999	7.3	3.5	4.6	Toán cao cấp 1	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
409	K51 QTKD C	Trương Thị Phương Thảo	14/10/1999	8.0	5.5	6.3	Toán cao cấp 1	
410	K51 QTKD C	Phan Ngọc Thảo Tiên	07/05/1999	6.7	6.5	6.6	Toán cao cấp 1	
411	K51 QTKD C	Đỗ Thị Quỳnh Trâm	29/08/1999	7.3	7.0	7.1	Toán cao cấp 1	
412	K51 QTKD C	Nguyễn Huỳnh Nhật Vy	07/10/1999	7.0	4.5	5.3	Toán cao cấp 1	
413	K49 TMDT	Đoàn Thị Tố Uyên	13/02/1997	5.3	5.5	5.4	Toán cao cấp 2	
414	K46 QLLH	Nguyễn Thị Vi	26/07/1994	7.7	10.0	9.3	Toán cao cấp 2	
415	K48 HDDL	Lương Đức Hiếu	30/05/1996	7.0	7.5	7.4	Toán cao cấp 2	
416	K48 HDDL	Trần Thị Huyền Trang	06/11/1996	7.0	5.0	5.6	Toán cao cấp 2	
417	K48 QLLH 2	Nguyễn Thị Lờ	20/07/1996	7.8	9.0	8.6	Toán cao cấp 2	
418	K48 TMDT	Ngô Bảo Chung	09/09/1995	8.7	9.0	8.9	Toán cao cấp 2	
419	K48 TMDT	Nguyễn Minh Tuấn	05/07/1996	8.7	9.5	9.3	Toán cao cấp 2	
420	K49 KTDL	Nguyễn Thị Vân Anh	09/12/1997	7.7	10.0	9.3	Toán cao cấp 2	
421	K49 KTDL	Lê Thị Hương	19/05/1997	7.7	8.5	8.3	Toán cao cấp 2	
422	K49 KTDL	Trần Đức Anh Kiệt	21/03/1997	7.0	9.0	8.4	Toán cao cấp 2	
423	K49 KTDL	Nguyễn Đặng Thị Thùy Trang	08/01/1997	7.7	10.0	9.3	Toán cao cấp 2	
424	K49 QHCC	Bùi Xuân Việt	11/12/1997	0.0	8.0	5.6	Toán cao cấp 2	
425	K49 TCSK	Nguyễn Thị Thùy Linh	05/06/1997	8.7	9.0	8.9	Toán cao cấp 2	
426	K50 HDDL 1	Nguyễn Thị Thu Hằng	26/11/1998	0.0	9.0	6.3	Toán cao cấp 2	
427	K50 HDDL 1	Phạm Đình Bạch Linh	20/02/1997	8.7	8.0	8.2	Toán cao cấp 2	
428	K50 HDDL 1	Đào Ngọc Nguyễn	21/02/1998	8.3	8.5	8.4	Toán cao cấp 2	
429	K50 HDDL 1	Nguyễn Thị Kiều Oanh	27/12/1998	8.8	8.5	8.6	Toán cao cấp 2	
430	K50 HDDL 1	Trần Văn Tuấn	23/09/1997	8.7	8.0	8.2	Toán cao cấp 2	
431	K50 HDDL 2	Nguyễn Thị Thái Bình	13/02/1998	8.7	9.5	9.3	Toán cao cấp 2	
432	K50 HDDL 2	Trần Dương Huy Hoàng	01/01/1998	8.7	10.0	9.6	Toán cao cấp 2	
433	K50 HDDL 2	Võ Huy Hùng	09/11/1997	8.7	7.5	7.9	Toán cao cấp 2	
434	K50 HDDL 2	Đỗ Đăng Lực	16/11/1998	8.7	9.0	8.9	Toán cao cấp 2	
435	K50 HDDL 2	Đỗ Thị Thu Nguyệt	27/06/1998	8.7	10.0	9.6	Toán cao cấp 2	
436	K50 HDDL 2	Nguyễn Văn Tài	11/10/1998	9.3	6.5	7.3	Toán cao cấp 2	
437	K50 HDDL 2	Đặng Công Tây	16/01/1998	8.7	6.0	6.8	Toán cao cấp 2	
438	K50 HDDL 2	Nguyễn Thị Anh Thư	08/09/1998	9.0	7.5	8.0	Toán cao cấp 2	
439	K50 HDDL 2	Hà Lê Thị Vẹn	17/01/1997	8.7	4.5	5.8	Toán cao cấp 2	
440	K50 HDDL 3	Nguyễn Việt Phạm Hoà	03/09/1998	8.7	6.0	6.8	Toán cao cấp 2	
441	K50 HDDL 3	Nguyễn Văn Huy	05/08/1998	7.7	5.5	6.2	Toán cao cấp 2	
442	K50 HDDL 3	Hồ Ngọc Phương Minh	03/01/1996	9.7	4.5	6.1	Toán cao cấp 2	
443	K50 HDDL 3	Mai Anh Quốc	20/08/1998	8.7	4.5	5.8	Toán cao cấp 2	
444	K50 HDDL 3	Nguyễn Thị Cẩm Tú	16/06/1998	9.7	4.0	5.7	Toán cao cấp 2	
445	K50 KTDL	Vân Thị Ngọc Huyền	08/04/1997	9.7	4.5	6.1	Toán cao cấp 2	
446	K50 KTDL	Trần Như Lại	11/01/1998	9.7	4.5	6.1	Toán cao cấp 2	
447	K50 KTDL	Hoàng Thị Diệu Linh	28/10/1998	8.7	6.5	7.2	Toán cao cấp 2	
448	K50 KTDL	Tạ Thị Nga	12/10/1998	7.7	4.0	5.1	Toán cao cấp 2	
449	K50 KTDL	Phan Thị Hồng Phương	03/05/1998	8.8	5.5	6.5	Toán cao cấp 2	
450	K50 KTDL	Lê Bình Vy Thực	20/01/1998	0.0	6.0	4.2	Toán cao cấp 2	
451	K50 QHCC	Phan Thanh Xuân	13/11/1998	8.7	7.0	7.5	Toán cao cấp 2	
452	K50 QLLH 1	Phạm Thị Quỳnh Anh	03/08/1998	7.7	3.5	4.8	Toán cao cấp 2	
453	K50 QLLH 1	Nguyễn Thị Diệu Hiền	13/07/1998	7.0	0.0	2.1	Toán cao cấp 2	
454	K50 QLLH 1	Phạm Khoa Diệu Linh	01/10/1998	8.8	4.0	5.4	Toán cao cấp 2	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
455	K50 QLLH 1	Nguyễn Thị Nguyên	01/06/1998	8.3	6.0	6.7	Toán cao cấp 2	
456	K50 QLLH 1	Nguyễn Thị Phương	07/04/1998	8.2	7.0	7.4	Toán cao cấp 2	
457	K50 QLLH 1	Mai Thị Thu Sương	13/10/1998	8.0	9.0	8.7	Toán cao cấp 2	
458	K50 QLLH 1	Lê Đình Thảo	24/05/1998	0.0	4.5	3.2	Toán cao cấp 2	
459	K50 QLLH 1	Lê Thị Minh Trang	01/08/1997	8.7	6.0	6.8	Toán cao cấp 2	
460	K50 QLLH 2	Hồ Thị Ngọc Ánh	12/10/1998	9.2	6.5	7.3	Toán cao cấp 2	
461	K50 QLLH 2	Nguyễn Thị Hương	27/05/1998	0.7	5.0	3.7	Toán cao cấp 2	
462	K50 QLLH 2	Nguyễn Thị Diệu My	14/10/1998	9.0	5.5	6.6	Toán cao cấp 2	
463	K50 QLLH 2	Phan Thị Thảo Như	24/02/1998	8.7	3.5	5.1	Toán cao cấp 2	
464	K50 QLLH 2	Trần Thị Quỳnh Như	29/06/1997	9.0	3.5	5.2	Toán cao cấp 2	
465	K50 QLLH 2	Nguyễn Thị Lan Phương	02/02/1998	9.0	3.5	5.2	Toán cao cấp 2	
466	K50 QLLH 2	Nguyễn Đăng Mỹ Yên	24/11/1998	9.7	8.5	8.9	Toán cao cấp 2	
467	K50 TCSK	Lê Thị Vi	10/10/1998	8.7	5.0	6.1	Toán cao cấp 2	
468	K50 TMDT	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	12/11/1998	8.7	9.0	8.9	Toán cao cấp 2	
469	K50 TTMKT	Trần Thị Thu Thảo	15/07/1998	8.7	8.5	8.6	Toán cao cấp 2	
470	K50 TTMKT	Dương Thúy Vy	17/04/1998	8.7	8.0	8.2	Toán cao cấp 2	
471	K51 KTDL	Lê Thị Thanh Trà	21/02/1999	7.7	6.5	6.9	Toán cao cấp 2	
472	K51 KTDL	Trần Thị Thu Vân	05/11/1999	7.7	6.5	6.9	Toán cao cấp 2	
473	K51 KTDL	Nguyễn Thị Như Ý	01/11/1999	7.0	6.0	6.3	Toán cao cấp 2	
474	K51 LH A	Trần Thị Minh Anh	16/10/1999	9.7	5.0	6.4	Toán cao cấp 2	
475	K51 LH A	Hoàng Mạnh Hùng	29/12/1999	8.7	4.0	5.4	Toán cao cấp 2	
476	K51 LH C	Hà Thị Vân Anh	11/09/1999	7.0	4.0	4.9	Toán cao cấp 2	
477	K51 LH C	Nguyễn Thành Lên	11/08/1999	8.5	5.0	6.1	Toán cao cấp 2	
478	K51 LH C	Đặng Phạm Đình Sang	05/04/1999	8.7	6.0	6.8	Toán cao cấp 2	
479	K51 LH C	Hoàng Thị Tâm	26/01/1999	7.0	3.5	4.6	Toán cao cấp 2	
480	K51 QTKD A	Trần Thị Nhật Ánh	14/04/1999	8.7	6.0	6.8	Toán cao cấp 2	
481	K51 QTKD A	Lê Thị Thủy Giang	30/09/1999	9.7	8.0	8.5	Toán cao cấp 2	
482	K51 QTKD A	Trương Thị Lâm	11/01/1999	9.7	5.5	6.8	Toán cao cấp 2	
483	K51 QTKD A	Nguyễn Thị Yên Linh	10/04/1999	8.7	8.0	8.2	Toán cao cấp 2	
484	K51 QTKD A	Nguyễn Như Thảo Nguyên	16/09/1999	8.7	6.5	7.2	Toán cao cấp 2	
485	K51 QTKD A	Trương Thị Kiều Oanh	23/09/1999	9.7	9.0	9.2	Toán cao cấp 2	
486	K51 QTKD A	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	22/03/1999	0.7	0.0	0.2	Toán cao cấp 2	
487	K51 QTKD B	Lê Thị Diệu Hà	19/12/1999	8.5	9.0	8.9	Toán cao cấp 2	
488	K51 QTKD B	Thái Thị Thu Hằng	22/01/1999	8.7	9.0	8.9	Toán cao cấp 2	
489	K51 QTKD B	Trần Thị Minh Hiền	19/05/1999	7.7	5.5	6.2	Toán cao cấp 2	
490	K51 QTKD B	Trần Đặng Ngọc Phú	21/07/1999	7.7	5.5	6.2	Toán cao cấp 2	
491	K51 QTKD B	Cái Thị Bích Trâm	07/03/1999	7.7	6.0	6.5	Toán cao cấp 2	
492	K51 QTKD C	Lê Hữu Quốc Đại	23/06/1999	8.5	5.0	6.1	Toán cao cấp 2	
493	K51 QTKD C	Ngô Thị Ánh Nguyệt	10/10/1999	8.7	7.0	7.5	Toán cao cấp 2	
494	K51 QTKD C	Mai Thị Yên Nhi	08/12/1999	8.7	7.0	7.5	Toán cao cấp 2	
495	K51 QTKD C	Đặng Văn Nhật Quang	05/06/1999	9.7	5.0	6.4	Toán cao cấp 2	
496	K51 QTKD C	Phan Ngọc Thảo Tiên	07/05/1999	7.7	7.0	7.2	Toán cao cấp 2	
497	K51 QTKD C	Đỗ Thị Quỳnh Trâm	29/08/1999	7.7	5.5	6.2	Toán cao cấp 2	
498	K51 QTKD C	Nguyễn Thị Trang	30/06/1998	7.7	6.5	6.9	Toán cao cấp 2	
499	K51 QTKD C	Nguyễn Huỳnh Nhật Vy	07/10/1999	8.3	6.0	6.7	Toán cao cấp 2	
500	K49 TTMKT	Võ Thị Đức Kiều	20/01/1997	9.0	9.0	9.0	Tâm lý học đại cương	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
501	K49 TTMKT	Võ Thị Tiểu	Oanh	24/03/1995	8.7	9.0	8.9	Tâm lý học đại cương	
502	K48 HDDL	Nguyễn Vũ Gia	Mân	12/10/1996	9.3	8.5	8.7	Tâm lý học đại cương	
503	K48 QTKD	Nguyễn Đức	Đoàn	20/01/1993	9.7	8.5	8.9	Tâm lý học đại cương	
504	K48 TCSK	Nguyễn Mậu	Nhất	06/03/1995	9.0	6.0	6.9	Tâm lý học đại cương	
505	K49 KTDL	Nguyễn Thị Vân	Anh	09/12/1997	9.3	9.0	9.1	Tâm lý học đại cương	
506	K49 KTDL	Trần Đức Anh	Kiệt	21/03/1997	9.3	7.5	8.0	Tâm lý học đại cương	
507	K49 KTDL	Nguyễn Thị Bình	Nhi	05/12/1997	9.3	8.5	8.7	Tâm lý học đại cương	
508	K49 KTDL	Lê Thị Thúy	Quỳnh	02/10/1997	9.0	9.0	9.0	Tâm lý học đại cương	
509	K49 KTDL	Ngô Thị Thùy	Trang	17/08/1997	9.3	9.0	9.1	Tâm lý học đại cương	
510	K49 KTDL	Nguyễn Đặng Thị Thùy	Trang	08/01/1997	9.3	8.5	8.7	Tâm lý học đại cương	
511	K49 QHCC	Đặng Nguyễn Hữu	Nghĩa	20/08/1996	0.0	1.0	0.7	Tâm lý học đại cương	
512	K49 QHCC	Võ Thiện	Tuấn	05/01/1997	8.7	7.5	7.9	Tâm lý học đại cương	
513	K49 QHCC	Bùi Xuân	Việt	11/12/1997	8.7	8.0	8.2	Tâm lý học đại cương	
514	K49 TCSK	Bùi Thị Quỳnh	An	27/04/1997	9.3	9.5	9.4	Tâm lý học đại cương	
515	K49 TCSK	Đỗ Trung	Kiên	25/12/1997	9.3	5.5	6.6	Tâm lý học đại cương	
516	K49 TCSK	Lê Thị Thảo	Ngân	16/09/1997	9.3	9.5	9.4	Tâm lý học đại cương	
517	K49 TCSK	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	22/09/1997	9.7	9.5	9.6	Tâm lý học đại cương	
518	K51 LH C	Dương Thị	Dung	10/10/1999	9.7	9.0	9.2	Tâm lý học đại cương	
519	K51 LH C	Trần Văn	Tâm	04/04/1999	9.0	8.0	8.3	Tâm lý học đại cương	
520	K47 TMDT	Trần Nguyễn Đại	Dương	15/10/1995	9.3	4.5	5.9	Tổng quan du lịch	
521	K48 HDDL	Hồ Thị Bích	Ngọc	20/11/1995	10.0	5.0	6.5	Tổng quan du lịch	
522	K48 QHCC	Lê Thanh	Nhi	16/07/1996	9.3	0.0	2.8	Tổng quan du lịch	
523	K48 TCSK	Phạm Hồng	Nhân	02/05/1996	9.3	5.0	6.3	Tổng quan du lịch	
524	K48 TMDT	Đoàn Văn	Luyện	29/01/1995	9.0	5.0	6.2	Tổng quan du lịch	
525	K48 TMDT	Phan Nguyễn Chiến	Thắng	10/12/1996	9.0	2.0	4.1	Tổng quan du lịch	
526	K48 TTMKT	Lê Đức	Nhật	07/06/1995	10.0	7.0	7.9	Tổng quan du lịch	
527	K49 KTDL	Nguyễn Thị Vân	Anh	09/12/1997	9.7	7.5	8.2	Tổng quan du lịch	
528	K49 QHCC	Bùi Xuân	Việt	11/12/1997	9.0	5.0	6.2	Tổng quan du lịch	
529	K49 QLLH 2	Đặng Vũ Minh	Phương	08/03/1997	9.3	6.0	7.0	Tổng quan du lịch	
530	K49 TCSK	Lê Thị Như	Quỳnh	15/04/1997	9.0	8.0	8.3	Tổng quan du lịch	
531	K49 TCSK	Nguyễn Quỳnh	Thư	30/07/1997	9.0	9.0	9.0	Tổng quan du lịch	
532	K49 QLLH 3	Trần Thị Kim	Loan	29/09/1997	7.3	7.5	7.4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
533	K49 TMDT	Nguyễn Thị Thu	Hiền	05/07/1997	7.3	5.0	5.9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
534	K49 TTMKT	Trần Thị Minh	Phương	30/08/1997	8.8	8.5	8.6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
535	K49 TTMKT	Cánh Vân Tôn Nữ Anh	Thy	02/10/1996	7.3	7.0	7.1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
536	K49 TTMKT	Nguyễn Trần Tú	Trần	07/10/1997	6.5	8.0	7.4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
537	K49 TTMKT	Lê Thị Minh	Trang	05/06/1996	0.0	7.0	4.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
538	K47 TMDT	Lê Đức Bảo	Ngọc	01/02/1995	8.8	7.5	8.0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
539	K48 KTDL	Châu Thị Như	Quỳnh	04/06/1996	9.3	7.5	8.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
540	K48 QHCC	Phan Ngọc Quỳnh	Như	26/01/1996	9.0	8.5	8.7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
541	K48 QHCC	Lê Thị Hương	Sen	03/08/1995	9.3	7.5	8.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
542	K48 Qtri	Lê Văn	Khánh	11/07/1996	0.0	8.5	5.1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
543	K48 TMDT	Lê Hiếu Vũ	Long	20/03/1996	9.0	8.0	8.4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
544	K48 TMDT	Nguyễn Minh	Tuấn	05/07/1996	9.0	8.5	8.7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
545	K49 KTDL	Lê Thị Thúy	Quỳnh	03/10/1997	9.3	8.0	8.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
546	K49 QHCC	Đặng Thị	Ngà	04/11/1997	6.5	8.0	7.4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
547	K49 QHCC	Lê Thị	Trang	02/03/1997	7.3	8.5	8.0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
548	K49 QLLH 2	Trương Quốc	Bình	18/01/1995	9.3	8.0	8.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
549	K49 QLLH 2	Nguyễn Văn	Hoàng	24/02/1997	9.3	9.0	9.1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
550	K49 TCSK	Nguyễn Quỳnh	Thư	30/07/1997	9.0	9.0	9.0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
551	K50 HDDL 2	Phan Ngọc Minh	Quân	27/09/1998	9.3	7.5	8.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
552	K50 KTDL	Nguyễn Công	Sách		8.8	8.0	8.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
553	K50 TMDT	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	01/01/1998	9.3	7.5	8.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
554	K50 TMDT	Phan Thị	Hà	03/02/1998	9.3	8.5	8.8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
555	K50 TTMKT	Trần Thị Thúy	Bình	04/11/1997	9.3	0.0	3.7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
556	K46 QHCC	Nguyễn Ngọc Lạc	Thư	02/06/1992	8.7	8.5	8.6	Truyền thông nội bộ	
557	K47 QHCC	Trần Thị Kim	Thúy	01/03/1995	8.7	7.0	7.5	Truyền thông nội bộ	
558	K46 QHCC	Nguyễn Ngọc Lạc	Thư	02/06/1992	9.3	8.5	8.7	Văn hóa du lịch	
559	K46 TTMKT	Phan Quang	Vinh	10/12/1994	9.3	8.5	8.7	Văn hóa du lịch	
560	K49 QTKD	Hồ Đình	Lực	19/06/1997	7.0	1.5	3.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
561	K49 TMDT	Nguyễn Xuân Minh	Tuấn	09/09/1997	7.7	1.5	3.4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
562	K49QTKD	Lê Hải Vân	Anh		8.7	2.5	4.4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	HLCT HKII
563	K49QTKD	Hoàng Thị Tố	Uyên		8.7	2.5	4.4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	HLCT HKII
564	K48 HDDL	Phan Thị Thuý	Nga	12/05/1996	10.0	0.0	3.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
565	K48 HDDL	Phan Thị An	Phú	15/08/1996	7.0	4.0	4.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
566	K48 HDDL	Nguyễn Thị	Quyên	07/04/1996	7.3	4.5	5.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
567	K48 HDDL	Lê Công Bá	Thiện	02/01/1996	7.0	5.0	5.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
568	K48 KTDL	Vệ Chí	Hào	17/05/1995	7.0	6.5	6.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
569	K48 QHCC	Hồ Lê Trí	Trung	19/05/1996	0.0	0.0	0.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
570	K48 TCSK	Nguyễn Mậu	Nhật	06/03/1995	7.0	3.5	4.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
571	K48 TCSK	Lê Thị Thuý	Nhiên	21/09/1996	7.3	6.0	6.4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
572	K48 TMDT	Nguyễn Phước	Long	03/05/1995	7.3	5.0	5.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
573	K49 KTDL	Nguyễn Thị Thuý	Dung	20/04/1997	7.0	6.5	6.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
574	K49 KTDL	Lê Thị	Hương	19/05/1997	8.7	5.5	6.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
575	K49 KTDL	Nguyễn Thị Ý	Nhi	02/08/1997	7.3	6.0	6.4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
576	K49 QHCC	Lê Thị Hồng	Hạnh	19/08/1997	8.0	4.0	5.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
577	K49 QLLH 2	Nguyễn Văn	Hoàng	24/02/1997	8.0	3.5	4.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
578	K49 QLLH 2	Phạm Thị Thanh	Hương	08/03/1997	7.7	5.0	5.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
579	K49 QLLH 2	Đặng Vũ Minh	Phương	08/03/1997	7.3	5.0	5.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
580	K49 QLLH 2	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/10/1997	9.0	6.5	7.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
581	K49 TCSK	Nguyễn Quang	Đình	11/10/1997	8.0	7.0	7.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
582	K49 TCSK	Đỗ Trung	Kiên	25/12/1997	7.3	4.0	5.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
583	K49 TCSK	Lê Thị Kim	Nguyệt	16/11/1997	9.7	4.0	5.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
584	K49 TCSK	Đặng Thị Kim	Oanh	10/03/1997	8.3	5.0	6.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
585	K50 HDDL 1	Lương Thị Ái	Hiền	08/08/1997	9.3	7.0	7.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
586	K50 HDDL 1	Nguyễn Duy	Huy	17/03/1997	8.0	4.5	5.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
587	K50 HDDL 1	Ngô Võ Như	Quỳnh	01/03/1998	7.0	5.0	5.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
588	K50 HDDL 1	Hoàng Thị Đan	Thùy	10/05/1998	7.0	3.5	4.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
589	K50 HDDL 1	Nguyễn Thị	Tiên	19/05/1998	7.3	3.5	4.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
590	K50 HDDL 1	Trần Trọng	Tín	11/09/1997	7.7	3.0	4.4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
591	K50 HDDL 1	Trần Văn	Tuấn	23/09/1997	7.3	3.5	4.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
592	K50 HDDL 2	Hoàng Vũ Kim	Chi	03/09/1998	9.3	5.5	6.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
593	K50 HDDL 2	Luong Thị Thu	Hiền	29/10/1998	8.3	5.0	6.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
594	K50 HDDL 2	Lê Thị Thu	Huyền	05/05/1998	10.0	6.0	7.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
595	K50 HDDL 2	Phạm Thị Ngọc	Linh	22/03/1998	10.0	5.5	6.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
596	K50 HDDL 2	Trần Thị Ngọc	Linh	28/10/1998	8.7	6.0	6.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
597	K50 HDDL 2	Đàm Thị	Lý	26/08/1998	8.0	3.5	4.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
598	K50 HDDL 2	Đỗ Thị Thu	Nguyệt	27/06/1998	7.3	3.0	4.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
599	K50 HDDL 2	Châu Thị Quỳnh	Oanh	04/12/1998	8.7	4.0	5.4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
600	K50 HDDL 2	Trần Thị Đông	Phuong	28/06/1998	7.0	4.5	5.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
601	K50 HDDL 2	Lê Thị Như	Quỳnh	01/07/1997	8.3	3.5	4.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
602	K50 HDDL 2	Đặng Công	Tây	16/01/1998	7.7	5.0	5.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
603	K50 HDDL 3	Trần Thị Thúy	Hằng	26/12/1998	9.3	5.5	6.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
604	K50 HDDL 3	Nguyễn Việt Phạm	Hoà	03/09/1998	7.7	4.5	5.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
605	K50 HDDL 3	Phan Thị	Minh	16/09/1998	8.0	4.5	5.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
606	K50 HDDL 3	Nguyễn Bạch Nguyễn Thảo	Ngọc	16/02/1998	9.3	6.5	7.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
607	K50 HDDL 3	Diệp Thị Như	Quỳnh	18/02/1998	10.0	6.0	7.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
608	K50 HDDL 3	Lê Thị	Sỹ	23/01/1997	7.3	5.5	6.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
609	K50 HDDL 3	Trần Thị Hoài	Thương	02/04/1998	10.0	4.5	6.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
610	K50 HDDL 3	Nguyễn Hữu	Tiến	15/04/1998	7.3	3.0	4.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
611	K50 HDDL 3	Nguyễn Thế	Vũ	11/11/1998	8.7	5.5	6.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
612	K50 KTDL	Huỳnh Bảo	Châu	17/07/1998	8.0	4.0	5.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
613	K50 KTDL	Đặng Mỹ	Duyên	01/01/1998	10.0	4.0	5.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
614	K50 KTDL	Hồ Đăng Nhật	Huy	07/04/1997	8.0	6.0	6.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
615	K50 KTDL	Văn Thị Ngọc	Huyền	08/04/1997	7.7	6.5	6.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
616	K50 KTDL	Trần Như	Lài	11/01/1998	7.3	4.0	5.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
617	K50 KTDL	Lê Hoàng Mỹ	Loan	11/05/1997	7.3	5.0	5.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
618	K50 KTDL	Nguyễn Cảnh	Nhân	23/09/1998	8.0	4.5	5.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
619	K50 KTDL	Phan Thị Kiều	Oanh	09/08/1998	8.7	5.5	6.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
620	K50 KTDL	Phan Thị Hồng	Phuong	03/05/1998	8.3	7.0	7.4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
621	K50 KTDL	Nguyễn Thị Thảo	Quỳnh	27/07/1998	8.0	0.0	2.4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
622	K50 KTDL	Nguyễn Thị Hương	Sen	20/02/1998	10.0	5.5	6.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
623	K50 KTDL	Lê Bình Vy	Thục	20/01/1998	8.0	4.0	5.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
624	K50 KTDL	Trần Văn Anh	Vũ	13/12/1998	8.0	5.0	5.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
625	K50 QHCC	Ngô Thị Vân	Anh	20/02/1998	7.3	6.5	6.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
626	K50 QHCC	Ngô Thị Thu	Hà	23/04/1998	10.0	6.0	7.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
627	K50 QHCC	Đào Thị Mỹ	Kiều	28/06/1998	10.0	6.5	7.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
628	K50 QHCC	Linly	Koutsabat	08/10/1997	8.0	3.0	4.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
629	K50 QHCC	Hồ Thị Hồng	Liên	10/01/1998	8.3	3.5	4.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
630	K50 QHCC	Trần Thị Phương	Nhung	25/05/1998	8.7	5.0	6.1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
631	K50 QHCC	Phoutsamay	Phengbua	17/06/1998	8.0	5.5	6.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
632	K50 QHCC	Hứa Thị Uyên	Thảo	04/01/1998	7.0	4.0	4.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
633	K50 QHCC	Lê Thị	Thiệp	18/09/1998	9.0	6.0	6.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
634	K50 QHCC	Bùi Thị Kim	Thoa	27/05/1998	8.7	4.5	5.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
635	K50 QHCC	Nguyễn Thị	Thùy	22/11/1998	9.3	7.5	8.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
636	K50 QHCC	Võ Thị	Trinh	17/03/1997	8.3	5.0	6.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
637	K50 QLLH 1	Phạm Thị Quỳnh	Anh	03/08/1998	7.3	3.5	4.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
638	K50 QLLH 1	Nguyễn Thị Diệu	Hà	26/06/1998	9.3	5.0	6.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Ghi chú
639	K50 QLLH 1	Nguyễn Thị Hương	18/01/1997	7.7	6.0	6.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
640	K50 QLLH 1	Lê Thị Ngọc Mai	30/08/1997	9.3	6.0	7.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
641	K50 QLLH 1	Nguyễn Tấn Quý	06/09/1998	9.0	4.5	5.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
642	K50 QLLH 1	Trần Đại Thắng	22/06/1998	8.0	4.0	5.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
643	K50 QLLH 1	Bùi Thị Thùy Trang	24/05/1998	8.7	5.0	6.1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
644	K50 QLLH 1	Trần Thị Thu Trang	23/01/1998	7.7	7.0	7.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
645	K50 QLLH 2	Nguyễn Thị Hương	27/05/1998	7.3	3.0	4.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
646	K50 QLLH 2	Nguyễn Đắc Lâm	23/05/1998	8.0	3.0	4.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
647	K50 QLLH 2	Ngô Thị Đài Như	23/04/1998	8.7	7.0	7.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
648	K50 QLLH 2	Vân Thị Mỹ Nhung	10/01/1998	9.3	5.5	6.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
649	K50 QLLH 2	Hoàng Thị Diễm Phúc	03/10/1998	8.7	5.5	6.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
650	K50 QLLH 2	Phạm Thị Sương	14/09/1998	9.3	6.5	7.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
651	K50 QLLH 2	Nguyễn Thị Thu Thảo	07/10/1998	7.3	5.5	6.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
652	K50 QLLH 2	Nguyễn Thị Bảo Trang	09/11/1998	9.3	7.0	7.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
653	K50 QLLH 2	Ung Đoàn Thanh Vũ	03/02/1998	9.0	6.5	7.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
654	K50 TCSK	Nguyễn Thị Thanh Hằng	10/09/1998	10.0	6.5	7.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
655	K50 TCSK	Nguyễn Thị Khánh Hiền	17/08/1998	8.7	7.0	7.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
656	K50 TCSK	Nguyễn Thị Mỹ Hòa	17/01/1998	7.7	5.0	5.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
657	K50 TCSK	Phan Thị Ngọc Mai	08/01/1998	8.0	3.5	4.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
658	K50 TCSK	Dương Thị Trà Mi	03/07/1998	7.3	5.5	6.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
659	K50 TCSK	Lê Thị Nhi	26/03/1998	9.0	6.0	6.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
660	K50 TCSK	Lê Thị Thanh Thu	03/08/1997	7.7	4.5	5.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
661	K50 TCSK	Lê Thị Vi	10/10/1998	8.7	5.5	6.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
662	K50 TMDT	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	12/11/1998	9.3	8.0	8.4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
663	K50 TMDT	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01/01/1998	7.0	5.0	5.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
664	K50 TMDT	Nguyễn Huỳnh Yên Chi	09/05/1998	7.3	6.0	6.4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
665	K50 TMDT	Nguyễn Thành Đạt	02/01/1998	8.3	6.5	7.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
666	K50 TMDT	Trương Huyền Diệu	20/09/1998	9.3	4.0	5.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
667	K50 TMDT	Phan Thị Hà	03/02/1998	8.3	4.5	5.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
668	K50 TMDT	Nguyễn Thị Hường	05/08/1998	8.0	4.0	5.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
669	K50 TMDT	Đào Thị Diệu Minh	09/02/1998	8.3	8.0	8.1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
670	K50 TMDT	Lưu Thị Uyển My	28/11/1998	8.3	5.0	6.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
671	K50 TMDT	Nguyễn Thị Kiều My	19/08/1998	9.3	5.0	6.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
672	K50 TMDT	Nguyễn Thị Ngân	22/11/1998	10	7	7.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
673	K50 TMDT	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	09/02/1998	8.3	8	8.1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
674	K50 TMDT	Đỗ Thị Phương Thảo	19/10/1997	8.7	6.5	7.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
675	K50 TTMKT	Nguyễn Nhật Anh	22/04/1998	7.3	3.5	4.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
676	K50 TTMKT	Trần Thị Thúy Bình	04/11/1997	0	4.5	3.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
677	K50 TTMKT	Lê Thị Khánh Hoài	18/05/1998	9.3	5	6.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
678	K50 TTMKT	Lê Thị Thanh Hương	14/07/1998	8	3	4.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
679	K50 TTMKT	Nguyễn Sơn Lâm	22/03/1997	7.7	4.5	5.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
680	K50 TTMKT	Dương Thị Mỹ Nhung	21/01/1998	10	6.5	7.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
681	K50 TTMKT	Lê Thị Hoài Phương	19/04/1998	7.7	5.5	6.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
682	K50 TTMKT	Nguyễn Thị Bảo Trâm	09/04/1998	8.7	7.0	7.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
683	K50 TTMKT	Dương Thúy Vy	17/04/1998	8.0	4.5	5.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	
684	K48 HDDL	Lê Thị Thanh Tâm	30/03/1996	7.3	4.0	5.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	